

BẢNG HƯỚNG DẪN AN TOÀN VẬT LIỆU (MSDS)

STARON Solid Surface

4 tháng 10 năm 2010

Ngày nâng cấp dữ liệu: 11 tháng 5 năm 2018

1. SẢN PHẨM VÀ THÔNG TIN NHÀ SẢN XUẤT

1.1 Tên sản phẩm

Đá Solid surface thương hiệu Staron

1.2 Sử dụng sản phẩm

Ứng dụng: Mặt bếp, mặt bàn, tường nội thất, ect.

Chống chỉ định: Không sử dụng với hóa chất axit hoặc hóa chất mạnh.

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp bảng dữ liệu an toàn

- **Thông tin nhà sản xuất**
- Tên : LOTTE ADVANCED MATERIALS
- Địa chỉ : 334-27, Yeosusandan-ro, Yeosu-si, Jeollanam-do
- Xuất xứ : Hàn Quốc
- Bộ phận quản lý : Phòng Phát triển (Development Team)
- Điện thoại : + 82-61-689-1151
- FAX : + 82-61-689-1759
- **Thông tin nhà phân phối** :
- Tên : SAMSUNG INTERIOR
- Địa chỉ : 19W Nguyễn Hữu Cảnh – Bình Thạnh - HCM
- Bộ phận quản lý : Samsung Interior
- Điện thoại : 028 3 7447 333 - 090 2580 097

2. CẢNH BÁO NGUY HIỂM

2.1 Phân loại chất hoặc hỗn hợp

- Các mối nguy hiểm của sản phẩm này có liên quan đến việc gia công nó. Chẳng hạn như cưa, định tuyến và chà nhám có thể tạo ra bụi.
- Tiếp xúc với nồng độ cao của bụi hoặc hít phải có thể gây kích ứng đường hô hấp và hắt hơi. Thông tin này dựa trên bảng tính phơi nhiễm của PMMA (Poly methyl methacrylate).

2.2 Nhãn dán sản phẩm:

- Hình ảnh: Không
- Từ ngữ cảnh báo: Không
- Thông báo cảnh báo: Không
- Thông báo phòng ngừa: Không
- Phòng ngừa: Không
- Phản ứng: Không
- Bảo quản: Không
- Xử lý: Không áp dụng - Xếp hạng NFPA
- Ảnh hưởng sức khỏe: Không gây ảnh hưởng sức khỏe
- Tính dễ cháy: Không
- Độ phản ứng: Không

2.3. Các mối nguy hiểm khác

- Tại nhiệt độ phòng, chất liệu không tạo ra khí thải. Nhưng trong điều kiện nhiệt độ cao, một lượng nhỏ khí acrylic có thể được phát ra.
- Tùy thuộc vào thời gian và nhiệt độ, lượng khí thải sẽ bị ảnh hưởng. Khí acrylic có thể gây kích ứng hoặc dị ứng trên mắt, mũi, da và cổ. Phơi nhiễm liên tục và tập trung cao có thể gây đau đầu, nôn mửa và viêm phế quản.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA HỌC

Tên chất hóa học	Tên thường dùng	CAS No.	Phạm vi nồng độ (%)
ACRYLIC POLYMER	PMMA	9011-14-7	40 - 45 %
Aluminum Trihydrate	ATH	21645-51-2	55 - 60 %
Hạt màu	Hạt màu	Trade secret	< 1 %
Phụ gia	Phụ gia	Trade secret	< 1 %

4. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ ĐẦU TIÊN KHI CÓ SỰ CỐ XẢY RA

4.1 Tiếp xúc với mắt

- Rửa kỹ với nước trong ít nhất 15 phút và gọi bác sĩ ngay lập tức.

4.2 Tiếp xúc da

- Không nguy hiểm. Rửa bằng xà phòng và nước.

4.3 Hít phải

- Nếu thở khó khăn, hãy đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ yên ở tư thế thoải mái để thở. Làm theo chỉ dẫn của bác sĩ.

4.4 Nuốt phải

- Nếu nôn, súc miệng và làm theo chỉ dẫn của bác sĩ.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CHÁY NỔ

5.1 Phương tiện chữa cháy

- Các phương tiện chữa cháy phù hợp: Hóa chất khô, oxit carbon, xịt nước và bột
- Phương tiện chữa cháy không phù hợp: Không áp dụng

5.2 Các mối nguy hiểm đặc biệt phát sinh từ các chất hoặc hỗn hợp

- Sản phẩm nguy hiểm của quá trình đốt cháy: Carbon Oxide (CO, CO₂), Hydrocarbon khác nhau.
- Nguy cơ nổ hoặc cháy: Đá Solid surface Staron có khả năng chống cháy nhưng nó có rủi ro cháy nhỏ khi tiếp xúc với nhiệt hoặc lửa.

6. CÁC BIỆN PHÁP ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ

6.1. Phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

- Thiết bị bảo vệ cá nhân: Sử dụng các sản phẩm chuyên dụng khi xử lý vật liệu này.

6.2. Phòng ngừa môi trường

- Mục đích: Tránh phát sinh bụi và bụi mịn phát tán trong không khí

6.3. Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn rò rỉ và phương pháp tẩy rửa làm sạch

- Số lượng nhỏ: Thu vào hộp hoặc túi khô.
- Số lượng lớn: Tránh tạo ra bụi trong không khí. Làm sạch bụi bằng máy hút bụi và giữ nó trong thùng chứa

7. VẬN CHUYỂN VÀ BẢO QUẢN

7.1. Thận trọng để xử lý an toàn

- Khi chế tạo như tạo hình, cắt và chà nhám, mặc một bánh răng bảo vệ thích hợp.

7.2. Điều kiện để cất giữ an toàn

- Lưu trữ trong nhiệt độ 15 ~ 23 ° C và điều kiện khô bên trong hoặc kho trên mặt đất bằng phẳng.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC / BẢO VỆ CÁ NHÂN

8.1. Thông số điều khiển

- Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp: Không áp dụng
 - TWA: Không áp dụng
 - STEL: Không áp dụng
 - 0,3mg / m³ OSHA TWA (Các hạt có thể hít vào): Không áp dụng
 - 0,1mg / m³ OSHA TWA (Các hạt có thể hô hấp): Không áp dụng
 - ACGIH: Không áp dụng
 - Giới hạn phơi nhiễm sinh học: Không có sẵn
- * ACGIH = Hội nghị vệ sinh công nghiệp chính phủ Mỹ

8.2 Kiểm soát kỹ thuật phù hợp:

- Không áp dụng

8.3 Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như thiết bị bảo vệ cá nhân

- Bảo vệ hô hấp: Mặt nạ chống bụi khi tiếp xúc với bụi nồng độ cao
- Bảo vệ mắt: Đeo kính an toàn
- Bảo vệ tay: Đeo găng tay bảo vệ
- Bảo vệ da: Bảo vệ quần áo

9. Tính chất vật lý và hóa học

9.1 Hình thức	
- Trạng thái vật lý	Chất rắn (Dạng tấm)
- Màu sắc	Khác nhau
9.2 Mùi	Tối thiểu
9.3 Ngưỡng mùi	Không áp dụng
9.4 pH	Không áp dụng
9.5 Điểm sôi / Điểm đóng băng	Không áp dụng
9.6 Điểm sôi / Phạm vi sôi	Không áp dụng
9.7 Điểm chớp cháy:	Không áp dụng
9.8 Tốc độ bay hơi:	Không áp dụng
9.9 Tính dễ cháy (rắn, khí):	Không áp dụng
9.10 Giới hạn dễ cháy trên / dưới hoặc giới hạn nổ	Không áp dụng
9.11 Áp suất hơi:	Không áp dụng
9.12 Độ hòa tan trong nước	Không tan trong nước
9.13 Mật độ hơi	Không áp dụng
9.14 Mật độ tương đối	1.6 ~ 1.8
9.15 Hệ số phân vùng	Không có dữ liệu
9.16 Nhiệt độ tự động	Không có dữ liệu
9.17 Phân hủy	Không có dữ liệu
9.18 Độ nhớt	Không áp dụng
9.19 Thuộc tính nổ	Không có dữ liệu

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

10.1 Tính ổn định và khả năng của phản ứng nguy hiểm

- Ổn định: Ổn định dưới nhiệt độ phòng và áp suất bình thường
- Khả năng phản ứng nguy hiểm:
- Khi cắt bằng cưa hoặc thiết bị định tuyến, nhiệt ma sát đạt tới nhiệt độ 300°C.

- Methyl methacrylate monomer có thể phát tán ra không khí. Bụi có thể bị lóe lên dưới nhiệt độ đánh lửa.

10.2 Điều kiện cần tránh

- Tránh nhiệt độ quá cao

10.3 Vật liệu cần tránh

- Axit, bazơ, dung môi, nhiệt, tia lửa, ngọn lửa

10.4 Sản phẩm phân hủy nguy hiểm

- Oxit carbon, monomer Methyl methacrylate, sương mù.

11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

11.1 Thông tin về tác dụng độc hại

- Hệ hô hấp: Nồng độ cao có thể gây khó thở.
- Tiêu hóa: Phản ứng hữu cơ với các cơ quan tiêu hóa có thể gây kích ứng.
- Mắt, da: Các hạt có thể gây kích ứng.

11.2. Độc tính và kích ứng

- **Độc tính cấp tính:**
 - * **Đường uống**
 - Cấp tính: Phản ứng hữu cơ với các cơ quan tiêu hóa có thể gây kích ứng.
 - Phơi nhiễm mãn tính: Không áp dụng
 - * **Tiếp xúc da**
 - Tiếp xúc cấp tính: Các hạt có thể gây kích ứng
 - Tiếp xúc quá mức mãn tính: Không áp dụng
 - * **Hít phải**
 - Tiếp xúc cấp tính: Nồng độ cao có thể gây khó thở
 - Tiếp xúc quá mức mãn tính: Không có sẵn
- **Ăn mòn / kích ứng da**
 - Không áp dụng
- **Ăn mòn / kích ứng mắt**
 - Không áp dụng
- **Nhạy cảm hô hấp**
 - Không áp dụng
- **Nhạy cảm với da**
 - Không áp dụng
- **Gây ung thư**
 - Không áp dụng
- **Đột biến tế bào mầm**
 - Không áp dụng
- **Độc tính sinh sản**
 - Không áp dụng
- **Độc tính cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm đơn)**
 - Không áp dụng
- **Độc tính cơ quan đích cụ thể (tiếp xúc nhiều lần)**
 - Không áp dụng

11.3 Độc lực

[PMMA]

- TLV-TWA = 100ppm = 410mg / m³: ACGIH (1991-2)
- LD50 / Uống / Chuột = 7,872mg / kg: RTECS, 47796
- Hàm lượng MMA có thể để lại trên lưỡi dao công cụ khoảng 100ppm TLV. Thông gió sẽ làm loãng nồng độ.

12. TÁC ĐỘNG SINH THÁI

12.1. Độc tính sinh thái

- Cá: Không có dữ liệu
- Động vật không xương sống: Không có dữ liệu

- Tảo: Không có dữ liệu

12.2 Độ bám dính / Phân hủy

- Kiên trì: Không có dữ liệu
- Phân hủy: Không có dữ liệu

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

- Khả năng phân hủy sinh học: Không có dữ liệu
- Tích lũy sinh học: Không có dữ liệu

12.4. Tính di động trong đất

- Không có sẵn

12.5 Tác dụng phụ khác:

- Không áp dụng

13. TƯ VẤN TRANH CHẤP

13.1 Phương pháp xử lý chất thải

- Tất cả các phương pháp xử lý phải tuân thủ tất cả các luật và quy định của Liên bang, Tiểu bang / Tỉnh và địa phương nơi sử dụng.

13.2 Yêu cầu sự chú ý

- Người sử dụng sản phẩm này phải mô tả đúng chất thải / thùng chứa được tạo ra từ việc sử dụng sản phẩm này theo tất cả các luật và quy định hiện hành của liên bang, tiểu bang và / hoặc địa phương để xác định việc xử lý chất thải phù hợp theo tất cả các quy định hiện hành luật và quy định của liên bang, tiểu bang và / hoặc địa phương
- Xử lý chất thải theo quy định của địa phương

14. THÔNG TIN VẬN TẢI

14.1 Số UN

- Không áp dụng

14.2 Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc

- Không áp dụng

14.3 Lớp nguy hiểm vận chuyển

- Không áp dụng

14.4 Nhóm đóng gói

- Không áp dụng

14.5. Mối nguy hiểm môi trường

- Không có

14.6 Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng liên quan đến các biện pháp vận chuyển hoặc vận chuyển

- Không có

15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

15.1. An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

- Không áp dụng

15.2. Đánh giá an toàn hóa chất

- Không áp dụng

15.3. Kiểm soát an toàn các chất nguy hiểm Đạo luật

- Không áp dụng

15.4. Đạo luật kiểm soát chất thải:

- Không áp dụng

15.5. Pháp luật nước ngoài

- Đạo luật kiểm soát chất ô nhiễm hữu cơ lâu dài: Không có sẵn
- EU
 - Xác nhận kết quả phân loại: Không được phân loại
 - Từ ngữ cảnh báo: Không áp dụng
 - Biện pháp phòng ngừa: Không áp dụng
- Đạo luật Mỹ
 - OSHA Hazard Communication Standard (29 CFR 1910.119)
 - Không áp dụng
 - CERCLA 103 (40CFR302.4)
 - Không áp dụng
 - EPCRA 302 (40CFR355.30)
 - Không áp dụng
 - EPCRA 304 (40CFR355.40)
 - Không áp dụng
 - EPCRA 313 (40CFR372.65)
 - Không áp dụng
- Tài liệu tham khảo Hội Nghị Rotterdam
 - Không áp dụng
- Tài liệu tham khảo Hội Nghị Stockholm
 - Không áp dụng
- Tài liệu Nghị định thư Montreal
 - Không áp dụng
- TSCA (Đạo luật kiểm soát chất độc hại của Hoa Kỳ):
 - Tuân thủ các yêu cầu TSCA Hàng tồn kho cho mục đích thương mại

16. THÔNG TIN KHÁC

16.1 Nguồn dữ liệu

16.2 Ngày khởi tạo:

4 tháng 10 năm 2010

16.3 Số lần sửa đổi và ngày sửa đổi mới nhất

11 tháng 5 năm 2018

16.4 Thông tin khác